TAND HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09/01/2023
V/v: Ly hôn giữa chị L và anh D.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự
Các Hội thẩm nhân dân:
- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà*:* Ông Lê Văn Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 4212022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp " Ly hôn, con chung". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2022/QĐXX-ST ngày 07 tháng 11 năm 2022,và thông bảo thay đổi thời gian số 27/2022/TB - TA ngày 27/11 /2022 giữa:

Nguyên đơn: Chị Lương Thị L**,** sinh năm 1989

Bị đơn: Anh Lê Văn D, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn D, xã VX, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 22/8/2022 và trong các lời khai chị Lương Thị L là nguyên đơn trình bày: Chị kết hôn với anh Lê Văn D năm 2007 trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã VX cưới xong anh chị về chung sống với nhau ở thôn D, xã D ngay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cãi vã không hòa thuận kinh tế khó khăn tình cám phai nhạt không có sự quan tâm chia sẻ anh D không qua tâm đến vợ con sống không có trách nhiệm thường xuyên rượu chè bài bạc. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 2 con chung Lê Huy T, sinh ngày 11/7/2098 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/02/2012 chị và anh D thống nhất chị để anh D nuôi cả 2 con. Cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận không đề nghị Tòa án giải quyết. Chị hiện nay đang làm công nhân thu nhập khoảng 6 triệu đồng/ tháng. Hiện nay các con chung đang ở với anh D các cháu vẫn khỏe mạnh và phát triển bình thường.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn D trình bày trong bản tự khai: Việc chị L trình bày với Tòa án về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống là hoàn toàn đúng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là anh vẫn còn ham chơi vui bạn bà khiến vợ giận dỗi vô cớ anh có tj tập bạn bè có uống rượu và chới bài bạc nhưng không ảnh hưởng đến kinh tế gia đình. Đến thang7 năm 2022 chị L tự ý mang quần áo về nhà mẹ đẻ ở tôi có xin lỗi gia đình hai bên và gia đình đã hòa giải nhưng chị L không đồng ý. Nay chị L yêu cầu được ly hôn anh không nhất trí ly hôn. Mong vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Anh đề nghị được nuôi 2 con. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con tùy vào điều kiện của chị L. Anh hiện nay đang làm lao động tự do thu nhập khoảng 07 -07 triệu đồng/ tháng có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung, ruộng canh tác anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ L đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự nguyên đơn, bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều Điều 147; Điều 227; 228; 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Lê Văn D

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh D trực tiếp nuôi 2 con Lê Huy T, sinh ngày 11/7/2098 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/02/2012. Buộc chị L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 01/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn chị L được quyền thăm nom con chung, không được cản trở chị L thực hiện quyền này.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, HĐXX nhận thấy:

[1] *Về tố tụng*: Đơn khởi kiện của chị Lương thị L và các tài liệu nộp kèm theo đơn khởi kiện là hợp lệ, đảm bảo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về hình thức nội dung đơn khởi kiện. Chị L anh D có hộ khẩu thường trú tại xã D, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Do đó Tòa án nhân dân huyện Lục Nam thụ L và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Các đương sự đều có mặt HĐXX căn cứ vào Điều 227, Điều 228 BLTTDS, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Chị Lương Thị L kết hôn với anh L Văn D năm 2007 trước khi kết hôn anh chị có được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D cưới xong anh chị về chung sống với nhau ở thôn D , xã D ngay. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống không có tiếng nói chung thường xuyên xảy ra cãi vã không hòa thuận kinh tế khó khăn tình cám phai nhạt không có sự quan tâm chia sẻ anh D không qua tâm đến vợ con sống không có trách nhiệm thường xuyên rượu chè bài bạc. Chị và anh D đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2022 đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế.

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ý kiến của anh D thừa nhận anh có sai có ham chơi để chị L giận dỗi nhưng anh không làm ảnh hưởng đến kinh tế gi đình và anh không nhất trí ly hôn. HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng cần cho chị L ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] *Về con chung:* Vợ chồng chị L anh D có 02 con chung Lê Huy T, sinh ngày 11/7/2098 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/02/2012. Nay ly hôn chị L anh D thống nhất anh D nuôi cả 2 con cấp dưỡng nuôi con anh D đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật nên HĐXX xét thấy anh D nuôi 2 con là phù hợp với nguyện vọng của các đương sự và nguyện vọng của các con anh D chị L. Chị L không yêu cầu vấn đề cấp dưỡng nuôi con nhưng HĐXX xét thấy anh D nuôi cả 2 con nhưng thu nhập không đảm bảo cuộc sống của con nên buộc chị L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng. Xét thấy là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị L được quyền thăm nom con chung, không được cản trở chị L thực hiện quyền này.

[4] *Về tài sản, công nợ, ruộng canh tác:* Chị L anh D không đề nghị Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Chị L phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2015; khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272 và Điều 273

Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về xử L án phí, lệ phí, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lương Thị L được ly hôn anh Lê Văn D

2. Về nuôi con chung: Giao cho anh D trực tiếp nuôi 02 con Lê Huy T, sinh ngày 11/7/2098 và Lê Ngọc Bảo T, sinh ngày 14/02/2012. Buộc chị L cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng kể từ thang 01/2023 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn chị L được quyền thăm nom con chung, không được cản trở anh thực hiện quyền này.

3.Về án phí: Chị Lương Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam ngày 04/10/2022 theo biên lai thu số 0014008. Xác nhận chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Nam;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- UBND xã D;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lự